TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:70 /2017/DS-ST
Ngày: 06-9-2017
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Chiến

2. Bà Huỳnh Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST-DS ngày 04/3/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1967

Trú tại: ấp AD, xã AN, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973.

Trú tại: ấp A, xã AB, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Trương Thị Thúy P, sinh năm 1965

2. Ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1968

Cùng trú tại*:* ấp 3, xã AP, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

(Ông H ủy quyền cho bà P, bà P có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1968

Trú tại: ấp AD, xã AN, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

(Ông T ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn Đ tham gia tố tụng tại tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn Đ – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị C trình bày:

Ngày 05/10/2011, bà Trương Thị Thúy P và ông Phạm Hoàng H có vay của bà Trần Thị C số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để làm ăn và việc vay tiền có làm giấy tay do bà P viết. Khi vay tiền, hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả. Sau khi vay tiền, bà P và ông H không trả tiền lãi cũng như không trả vốn cho bà C. Bà C nhiều lần yêu cầu bà P trả số tiền này nhưng đến nay bà P vẫn chưa trả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Thúy P và ông Phạm Hoàng H phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn 35.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 10/2011 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm là 64 tháng, lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 22.400.000 đồng. Tổng số tiền là 57.400.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị Thúy P, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hoàng H trình bày:

Bà P thừa nhận vào năm 2011 có vay của bà Trần Thị C số tiền 35.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu, mục đích vay để phục vụ cho việc làm ăn của gia đình. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất vì chỉ định vay vài tháng sẽ trả lại. Do chỗ quen biết nên việc vay tiền cũng không làm giấy tờ. Vì vậy, bà P không thừa nhận mình là người viết tờ biên nhận mượn nợ mà bà C đã cung cấp. Tuy nhiên, bà P thừa nhận vợ chồng bà còn nợ lại bà C số tiền 35.000.000 đồng và không trả tiền lãi cho bà C từ 2011 đến nay với thời gian là 64 tháng như nguyên đơn trình bày. Vào khoảng năm 2015, bà C có yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P chưa trả. Nay, bà P đồng ý trả cho bà C số tiền 35.000.000 đồng nhưng bà xin không tính lãi đối với khoản vay 35.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Bên cạnh đó, vào năm 2008, bà C, ông T có mua thức ăn nuôi vịt của bà P. Thời điểm mua bán, hai bên chỉ viết vào sổ do mỗi bên giữ 01 quyển. Đến năm 2010, bà C và ông T còn nợ lại số tiền 11.781.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó, bà P yêu cầu bà C, ông T phải liên đới trả số tiền 11.781.000 đồng và không yêu cầu tính lãi do thời gian đã lâu. Nay phía nguyên đơn không thừa nhận nên tại phiên tòa bà P xin rút

lại yêu cầu phản tố, khi nào có đầy đủ chứng cứ bà sẽ khởi kiện bà C và ông T bằng một vụ kiện khác.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, thành viên Hội đồng xét xử (HĐXX) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng với thời gian vay như nguyên đơn yêu cầu và hiện bị đơn còn nợ số tiền này. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng và tính lãi suất 64 tháng theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định và lãi suất chậm trả trong thời gian thi hành án. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, tại phiên tòa, bị đơn xin rút lại yêu cầu phản tố nên đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/10/2011, bà Trương Thị Thúy P và ông Phạm Hoàng H có vay của bà Trần Thị C số tiền 35.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nên HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Bị đơn có thừa nhận vào năm 2015, bà C có yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P không trả. Với thời gian trên, nay bà C khởi kiện tranh chấp với bà P, ông H tại Tòa đã đủ điều kiện về thông báo trả tiền theo quy định của hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn theo quy định Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, TAND huyện Ba Tri thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn liên đới trả số tiền 35.000.000 đồng tiền vốn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng. Vì vậy, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với số tiền lãi tạm tính từ tháng 10/2011 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm là 64 tháng, lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 22.400.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn xin nguyên đơn không tính lãi đối với khoản vay nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. HĐXX xét thấy nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận vay với lãi suất 3%/tháng nhưng bị đơn không thừa nhận có lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận vay lãi suất 3%/tháng cũng như lãi suất 1%/tháng. Do đó, HĐXX áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên số tiền lãi được tính là 35.000.000 x 0,75% x 64 tháng = 16.800.000 đồng. Vì vậy, HĐXX chấp nhận một phần tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bà P về việc yêu cầu bà C, ông T trả số tiền nợ 11.781.000 đồng từ việc mua bán thức ăn vào năm 2008. Tại phiên tòa, bà P tự nguyện xin rút lại yêu cầu phản tố. Vì vậy, HĐXX đình chỉ yêu cầu phản tố của bà P.

[5] Về án phí DS – ST có giá ngạch: Bà P, ông H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền 51.800.000 đồng. Nguyên đơn phải nộp án phí tương ứng với số tiền không được HĐXX chấp nhận. Đối với số tiền tạm ứng án phí phản tố của bị đơn sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí mà bị đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 474, 477 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị C. Buộc bị đơn Trương Thị Thúy P và Phạm Hoàng H phải liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền 51.800.000 (Năm mươi mốt triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với số tiền lãi 5.600.000 (Năm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Trương Thị Thúy P về việc yêu cầu bà Trần Thị C và ông Đinh Văn T phải trả cho bà P số tiền 11.781.000 (Mười một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn) đồng.

4. Về án phí DS-ST có giá ngạch:

Buộc bà Trương Thị Thúy P và ông Phạm Hoàng H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.590.000 (Hai triệu năm trăm chín chục nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007388 ngày 17/7/2017 của C cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Bà Trương Thị Thúy P và ông Phạm Hoàng H phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm sau khi khấu trừ là 2.290.000 (Hai triệu hai trăm chín chục nghìn) đồng.

Buộc bà Trần Thị C phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.435.000 (Một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007004 ngày 27/02/2017 của C cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. C cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri hoàn lại cho bà Trần Thị C số tiền 1.135.000 (Một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007004 ngày 27/02/2017 của C cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu TAND tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- C cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tùng